

Verb	+ To V	+ V-ing
NEED	Need to V: cần phải làm (nghĩa chủ động) Ví dụ: - Tom needs to work harder. - The grass in front of the house needs cutting.	Need V-ing: cần phải được làm (nghĩa bị động)
STOP	Stop to V: dừng lại để làm việc gì khác Ví dụ: - They stopped to buy some drinks. - They stopped smoking because it is bad for their health.	Stop V-ing: dừng việc đang làm
REGRET	Regret to V: lây làm tiếc phải (thông báo 1Regret+V-ing: hối hận đã làm gì (trong quá khứ) điều gì xấu) Ví dụ: - I regret to inform you that they have decided to cancel the meeting. - I regret cheating in the exam.	Regret+V-ing: hối hận đã làm gì (trong quá khứ)
REMEMBER	Remember to V: nhớ phải làm gì (ở hiện tạiRemember V-ing: nhớ đã làm gì (ở quá khứ) và tương lai) Ví dụ: - Remember to turn off the lights before leaving. - I remember paying the money I lent her.	Remember V-ing: nhớ đã làm gì (ở quá khứ)
FORGET	Forget to V: quên sẽ phải làm gì (ở hiện tạiForget V-ing: quên đã làm gì (ở quá khứ) và tương lai) Ví dụ: - Don't forget to post this letter. - She will never forget meeting the Queen.	Forget V-ing: quên đã làm gì (ở quá khứ)
TRY	Try to V: cố gắng làm Ví dụ: - She tries to pass the entrance exam to the college of pharmacy - I've got a terrible headache. I try taking some pills but they didn't help.	Try V-ing: thử làm gì